

Bản án số: 72/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 11-8-2022

V/v tranh chấp “Ly hôn”

**NH DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NH DÂN THỊ XÃ HT, TỈNH TN**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Bích Vân.

*Các Hội thẩm Nh dân:*

1. Ông Trần Văn Thạch.

2. Bà Dương Thị Tư.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Lê Thị Mỹ Hòa - Thư ký Tòa án Nh dân thị xã HT, tỉnh TN.

**- Đại diện Viện kiểm sát Nh dân thị xã HT, tỉnh TN** tham gia phiên tòa:  
Ông **Bùi Quốc Việt**- Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án Nh dân thị xã HT, tỉnh TN xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 203/2022/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 7 năm 2022 về tranh chấp “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 68/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 7 năm 2022, giữa các đương sự:

**\* Nguyên đơn:** Chị **TTTT**, sinh năm 1980; Địa chỉ đăng ký hộ khẩu thường trú: Số D5/3, khu phố Long Thời, phường Long Thành Bắc, thị xã HT, tỉnh TN; Địa chỉ nơi cư trú hiện nay: Số 17/50D, khu phố 1, phường 10, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang (Có đơn xin vắng mặt).

**\* Bị đơn:** Anh **NTN**, sinh năm 1971; Địa chỉ: Số D5/3, khu phố Long Thời, phường Long Thành Bắc, thị xã HT, tỉnh TN (Có đơn xin vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*- Trong đơn khởi kiện đề ngày 05/7/2022 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị TTTT trình bày:*

Về hôn Nh: Chị và anh NTN chung sống từ năm 2010, không có tổ chức lễ cưới và cũng không có đăng ký kết hôn. Anh chị chung sống hạnh phúc được thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên Nh là do bất đồng quan điểm sống, tính tình không hòa hợp, vợ chồng thường hay cãi vã nhau và đã sống ly thân từ năm 2012 cho đến nay. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên

chị Tr. yêu cầu ly hôn với anh Nh.

Về con chung: Chị Tr. trình bày không có.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị Tr. không yêu cầu giải quyết.

- Theo các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh NTN trình bày:

Về hôn Nh: Anh thống nhất toàn bộ lời trình bày của chị Tr. về thời gian chung sống, không có đăng ký kết hôn. Anh chị chung sống hạnh phúc đến năm 2012 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên Nh là do tính tình không hòa hợp, bất đồng quan điểm sống, ngoài ra, do vợ chồng không còn tình cảm, không còn quan tâm, chăm sóc cho nhau, mỗi người đều có cuộc sống riêng, anh chị đã sống ly thân gần 10 năm nay. Nay chị Tr. yêu cầu ly hôn thì anh đồng ý do không còn tình cảm.

Về con chung: Không có.

Về tài sản chung, nợ chung: Anh Nh không yêu cầu giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát Nh dân thị xã HT tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Người tham gia tố tụng nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật (có đơn xin xét xử vắng mặt) nên căn cứ Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt các đương sự.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án: Chị TTTT, anh NTN tự nguyện chung sống vợ chồng năm 2010 nhưng không có đăng ký kết hôn nên hôn Nh của anh chị không hợp pháp, không được pháp luật tôn trọng và bảo vệ. Anh chị chung sống hạnh phúc đến năm 2012 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên Nh là do tính tình không hòa hợp, bất đồng quan điểm sống, vợ chồng thường xuyên cãi vã. Nay tình cảm vợ chồng không còn nên chị Tr., anh Nh đều thuận tình ly hôn. Tuy nhiên, do chị Tr., anh Nh chung sống như vợ chồng nhưng không đăng ký kết hôn là vi phạm Điều 9, Điều 14 của Luật Hôn Nh và gia đình. Do đó, căn cứ Điều 53 Luật Hôn Nh và gia đình, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, đề nghị Hội đồng xét xử không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Tr. và anh Nh. Về con chung

không có. Về tài sản chung, nợ chung không yêu cầu giải quyết.

Về án phí: Chị Tr. phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn chị Tr. và bị đơn anh Nh vắng mặt và đều có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt chị Tr. và anh Nh theo quy định tại Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn Nh: Xét về quan hệ hôn Nh của chị TTTT và anh NTN thấy rằng: Chị Tr. và anh Nh chung sống với nhau vào năm 2010, không có tổ chức lễ cưới và cũng không đăng ký kết hôn. Anh chị chung sống hạnh phúc đến năm 2012 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên Nh theo chị Tr. và anh Nh trình bày là do tính tình không hòa hợp, bất đồng quan điểm sống, anh chị không quan tâm, chăm sóc nhau, mỗi người một tánh ý và đều có cuộc sống riêng, anh chị đã sống ly thân gần 10 năm nay. Chị Tr. yêu cầu ly hôn với anh Nh và anh Nh đồng ý. Xét việc chị Tr. và anh Nh chung sống không có đăng ký kết hôn là vi phạm Điều 9, Điều 14 Luật Hôn Nh và Gia đình nên không được pháp luật công nhận là vợ chồng nên tuyên bố không công nhận chị Tr. và anh Nh là vợ chồng.

[2.2] Về con chung: Chị Tr., anh Nh trình bày không có.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Chị Tr., anh Nh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3] Về án phí: Chị Tr. phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

[4] Xét thấy đề nghị của đại diện Viện kiểm sát Nh dân thị xã HT là hợp lý cần chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ Điều 9, Điều 14, Điều 53 Luật Hôn Nh và Gia đình; khoản 5, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Tuyên bố không công nhận chị TTTT và anh NTN là vợ chồng.

2. Về con chung: Chị TTTT và anh NTN khai nhận không có.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Chị TTTT, anh NTN khai nhận không yêu cầu giải quyết.

4. Về án phí:

Chị TTTT phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm và được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị Tr. đã nộp 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu số 0020858 ngày 05/7/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã HT, tỉnh TN.

Chị Tr., anh Nh vắng mặt có quyền kháng cáo bản án lên Tòa án Nh dân tỉnh TN trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

**Nơi nhân:**

- TAND tỉnh TN;
- VKSND thị xã HT;
- CC.THADS thị xã HT;
- UBND p.10; thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang;
- UBND p. Long Thành Bắc;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**

**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Nguyễn Thị Bích Vân**